

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 6**

**TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 02 /2025/HS-ST

Ngày : 16 /7 /2025

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Tạ Thị Hương

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Hoàng Văn Lược; Ông Trịnh Đình Hồng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Ngọc Lan - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6, tỉnh Thanh Hoá.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Huân - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6, tỉnh Thanh Hoá, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 22/2025/TLST-HS ngày 02 tháng 6 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2025/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 6 năm 2025; quyết định hoãn phiên tòa số 04/QĐST-HS ngày 16/6/2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: Vũ Thị T sinh ngày 28 tháng 12 năm 1989, tại: Thanh Hoá; Căn cước công dân số 038189044991 do cục C1 về TTXH cấp ngày 18/10/2024; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: 4 H, phường H, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Điều dưỡng viên; Trình độ văn hóa: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Con ông Vũ Đình H sinh năm 1952 và bà Trần Thị M sinh năm 1955; có chồng là Lê Anh H1 (đã ly hôn), có 01 con sinh năm 2011; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo không bị tạm giam, tạm giữ hiện được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

**-Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Phan Thanh C sinh năm 1985

Địa chỉ: Số nhà A T, phường B, tỉnh Thanh Hóa ( vắng mặt)

2. Chị Lê Thị Y sinh năm 1992

Địa chỉ: Số A đường B, phường H, tỉnh Thanh hóa ( vắng mặt)

**Người làm chứng:**

1. Anh Nguyễn Duy L sinh năm 1986

Địa chỉ: Chung cư T, phường H, tỉnh Thanh Hóa ( vắng mặt)

2. Anh Hoàng Mạnh H2 sinh năm 1988

Địa chỉ: Số nhà D T, phường H, tỉnh Thanh Hóa ( vắng mặt)

3. Chị Nguyễn Thị H3 sinh năm 1991

Địa chỉ: B Chung Cư T, phường H, tỉnh Thanh Hóa.

( Ngày 12/6/2025 Nguyễn Thị H3 bị bắt giam trong vụ án khác), vắng mặt.

4. Trần Quang H4 sinh năm 1991

Địa chỉ: Số nhà C đường N, phường Q, tỉnh Thanh hóa ( vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Vào tháng 8/2024, Vũ Thị T làm ăn thua lỗ nên nợ nần nhiều. Trong đó có một khoản nợ đến hạn phải trả gấp nên T nảy sinh ý định thuê xe ô tô để mang đi cầm cố lấy tiền trả nợ trước rồi sau đó sẽ tìm cách chuộc xe sau. Ngày 10/8/2024, T cùng với Nguyễn Thị H3, sinh năm 1991, trú tại chung cư T, phường H, tỉnh Thanh Hóa thuê của chị Lê Thị Y, sinh năm 1992 trú tại số A B, phường H, tỉnh Thanh Hóa 01 xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Tucson màu trắng, BKS 36A-702.24 (T là người trực tiếp ký kết hợp đồng thuê xe với chị Y) với giá 1.000.000 đồng/ngày, hợp đồng không thể hiện ngày nào phải trả xe và chị Y yêu cầu đặt cọc trước số tiền 20.000.000 đồng. Khi cho T thuê xe, chị Y chỉ đưa cho T giấy lưu hành của ngân hàng, đăng kiểm và bảo hiểm dân sự, không có đăng ký xe do chị Y đang thế chấp xe tại ngân hàng.

Theo lời khai của Vũ Thị T sau khi thuê được xe H3 là người làm giả giấy tờ của xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Tucson BKS 36A-702.24 đưa cho T để mang đi cầm cố cho được giá. H3 là người lên mạng xã hội facebook đặt làm đăng ký xe ô tô và CCCD mang tên LÊ THI Y (phô tô công chứng) giả nhưng ảnh chân dung CCCD là T cung cấp cho H3 để H3 làm giả rồi đưa cho T đi cầm cố xe cho được giá. Sau khi làm được giấy tờ xe giả, H3 tìm chỗ để cầm cố xe và thông báo cho T mang đi cầm cố.

Ngày 23/8/2024, Trần Quang H4, sinh năm 1991 trú tại phường H tỉnh Thanh hóa là bạn của H3 giới thiệu cho H3 có người nhận cầm cố xe là anh Hoàng Mạnh H2, sinh năm 1988 trú tại thôn N, phường B, tỉnh Thanh Hóa và H3 giới thiệu cho T mang xe đến cầm cố. Do không đủ tiền nên anh H2 giới thiệu T cho anh Phan Thanh C, sinh năm 1985 trú tại thôn C, phường B để cầm cố xe.

Tối ngày 23/8/2024, T và H3 thuê anh Nguyễn Huy L1, sinh năm 1986 trú tại phường H, tỉnh Thanh Hóa chở T đến nhà anh H2 ở số nhà D đường T, phường B để giao dịch. Tại nhà H2, T gặp C và tự giới thiệu tên là Lê Thị Y theo CCCD phô tô công chứng và giấy đăng ký xe ô tô. Sau khi kiểm tra xe, giấy tờ xe, C và T thống nhất cầm cố chiếc xe trên với giá 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng) với lãi suất 2000 đồng/ngày/01 triệu và C thu trước 7.000.000 đồng/10 ngày đầu.

Do C không có giấy phép kinh doanh dịch vụ cầm đồ nên C thống nhất với T hợp thức hóa việc cầm cố xe bằng cách yêu cầu T viết giấy bán xe ô tô. Sau đó,

C chuyển cho T số tiền 343.000.000 đồng (ba trăm bốn ba triệu đồng) qua 02 số tài khoản ngân hàng gồm số “YEN200485”, ngân hàng V mang tên LÊ THỊ Y1 số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) và số tài khoản 103906117, ngân hàng V1 mang tên Vũ Thị T số tiền 293.000.000 đồng (hai trăm chín ba triệu đồng) .

Sau khi cầm cố được xe cho C, T quay về thành phố T. Trên đường về, T gọi điện và chuyển khoản cho Trần Quang H4 10.000.000 đồng để cảm ơn H4 đã giới thiệu chỗ cầm cố xe.

Tối cùng ngày, C phát hiện giấy tờ xe là giả và yêu cầu Vũ Thị T ngày 24/8/2024 phải ra B ngay để gặp C. Sáng ngày 24/8/2024, T ra B gặp C và thừa nhận việc sử dụng giấy tờ xe giả để cầm cố cho C. Do T đã dùng tiền cầm cố xe để trả nợ nên chưa có tiền trả ngay cho C. Đồng thời nể T1 là đồng nghiệp (cùng làm bác sĩ) nên lúc này C phải đồng ý cho T tiếp tục cầm cố xe. Vì không phải là xe của T nên C chỉ đồng ý cầm cố với số tiền 250.000.000 đồng, không được 350.000.000 đồng như ban đầu. T đồng ý và trong ngày 24/8/2024, T đã chuyển trả lại cho C số tiền 103.000.000 đồng (một trăm linh ba triệu đồng), bao gồm 100.000.000 đồng tiền gốc và 3.000.000 đồng tiền lãi. C đồng ý cho T hàng tháng phải trả dần tiền nợ gốc cho C. Theo thỏa thuận, ngày 01/9/2024, T đã chuyển số tiền 10.000.000 đồng đến số tài khoản 0551000326978 ngân hàng V1 mang tên TRAN PHUONG THANH và đưa 10.000.000 đồng tiền mặt cho C. Sau đó do khó khăn T không trả được tiền cho C theo thỏa thuận nên ngày 12/11/2024, C đã đến Cơ quan điều tra tố giác hành vi phạm tội của Vũ Thị T .

Đối với Lê Thị Y sau khi cho T thuê xe do T không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán tiền xe như đã thỏa thuận, Y kiểm tra định vị xe phát hiện xe đang ở B nên chị Y đã ra thị xã B gặp anh Phan Thanh C và đã lấy xe về.

Nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật và đã bị phát hiện, ngày 12/11/2024, Vũ Thị T đến Cơ quan CSĐT Công an tỉnh T xin đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình .

Tang vật, tài sản thu giữ:

- + 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô mang tên Lê Thị Y;
- + 01 giấy photo công chứng C2;
- + 01 giấy bán xe đề tên là Lê Thị Y;
- + 01 bản hợp đồng thuê xe đề tên là Vũ Thị T;

Tại bản kết luận giám định số 39/KL-KTHS ngày 17/12/2024 của Phòng K Công an tỉnh T kết luận:

- Chứng nhận đăng ký xe ô tô mẫu cần giám định (ký hiệu A1) là **giả**, bao gồm: (phôi in, hình dấu tròn, hình dấu tên và chữ ký).

- Hình dấu “Chứng thực bản sao đúng với bản chính”; hình dấu tròn màu đỏ, nội dung: “Văn phòng công chứng Lê Thị Kim T2” ở mẫu so sánh (ký hiệu M3) so với hình dấu “Chứng thực bản sao đúng với bản chính”; hình dấu tròn màu đỏ, nội

dung: “Văn phòng công chứng Lê Thị Kim T2”; hình dấu chức danh, dấu tên “Công chứng viên Lê Thị Kim T2” ở mẫu cần giám định (ký hiệu A2) không phải do cùng một con dấu đóng ra. Các hình dấu ở mẫu cần giám định (ký hiệu A2) được làm bằng phương pháp in phun màu.

Chữ ký đứng tên “Công chứng viên Lê Thị Kim T2” ở mẫu cần giám định (ký hiệu A2) so với chữ ký đứng tên Lê Thị Kim T2 ở mẫu so sánh (ký hiệu M3) không phải do cùng một người ký ra.

- Chữ viết, chữ ký đứng tên Lê Thị Y ở mẫu cần giám định (ký hiệu A3); chữ viết tại các mục phần nội dung và chữ ký đứng tên Vũ Thị T ở mẫu cần giám định (ký hiệu A4) so với chữ viết, chữ ký đứng tên Vũ Thị T ở mẫu so sánh (ký hiệu M1, M2) do cùng một người viết và ký ra.

Ngày 20/02/2025, Hội đồng định giá tài sản thị xã B định giá kết luận: Giá trị xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Tucson tại thời điểm bị xâm hại (ngày 23/8/2024) là 590.000.000 đồng (năm trăm chín mươi triệu đồng) .

Vũ Thị T có hành vi gian dối đối với Phan Thanh C (T giả danh T là Y, giả danh xe ô tô là chính chủ mang tên Lê Thị Y đúng với giấy tờ xe giả mà T đưa cho C). Sau này, C mới biết T sử dụng giấy tờ giả để cầm cố xe nhưng C vẫn cho T cầm cố xe và T cũng chỉ có mục đích vay được tiền, không có mục đích chiếm đoạt tiền của C. Do đó Cơ quan CSĐT không xử lý đối với Vũ Thị T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại Điều 174 BLHS là phù hợp.

Đối với Nguyễn Thị H3 theo lời khai của T, H3 là người làm giấy tờ xe giả đưa cho T đi cầm cố. Tuy nhiên, H3 không thừa nhận việc làm giấy tờ giả. Ngoài lời khai của T không còn chứng cứ nào khác, do đó không có căn cứ để xử lý đối với Nguyễn Thị H3 về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại Điều 341 BLHS.

Lê Thị Y biết việc T thuê xe để mang đi cầm cố nhưng Y chỉ yêu cầu T không được tháo định vị của xe và phải trả tiền thuê xe theo thỏa thuận nên Vũ Thị T không có hành vi gian dối đối với Lê Thị Y .

Trần Quang H4 là người giới thiệu cho H3 biết chỗ cho cầm cố xe, tuy nhiên H4 không biết việc T và H3 sử dụng giấy tờ giả để cầm cố nên không xử lý đối với Trần Quang H4 là phù hợp theo quy định của pháp luật.

Việc xử lý tài liệu, đồ vật, vật chứng: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 15 quá trình điều tra xác định không liên quan đến nội dung vụ án. Do đó Cơ quan điều tra đã trả lại cho Vũ Thị T theo quy định của pháp luật.

Những đồ vật tài sản khác gồm: 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô mang tên Lê Thị Y, 01 giấy phôi công chứng CCCD mang tên Lê Thị Y, 01 giấy bán xe đề tên Lê Thị Y, 01 hợp đồng thuê xe đề tên Vũ Thị T được chuyển cùng hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Lê Thị Y đã nhận lại chiếc xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Tucson, BKS 36A-702.24, số tiền cầm cố xe T đã trả lại đầy đủ cho anh

Phan Thanh C. Anh C đã nhận đủ số tiền trên và không yêu cầu Vũ Thị T phải bồi thường gì thêm.

Tại bản cáo trạng số 28/ CT-VKSBS ngày 22/5/2025 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bỉm Sơn ( nay là viện kiểm sát nhân dân khu vực 6- Thanh hoá) đã truy tố Vũ Thị T về tội “ Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức” theo khoản 1 điều 341 của BLHS.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6- Thanh Hoá đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) :

**a) Về trách nhiệm hình sự:** Đề nghị HĐXX tuyên bị cáo Vũ Thị T phạm tội “Sử dụng tài liệu giả của Cơ quan, tổ chức” quy định tại khoản 1 Điều 341 BLHS.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 65 BLHS đề nghị xử bị cáo Vũ Thị T mức án tù: **15** đến **18** tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 30-36 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

**Hình phạt bổ sung:** Xét điều kiện hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 341 BLHS đối với bị cáo.

**b) Về trách nhiệm dân sự:**

-Chị Lê Thị Y đã nhận lại chiếc xe ô tô nhãn hiệu Huyndai Tucson, BKS 36A-702.24 và yêu cầu Vũ Thị T phải trả cho chị số tiền 59.000.000 đồng (năm mươi chín triệu đồng), (bao gồm tiền thuê xe, tiền sơn lại do xe bị xước, tiền làm lại chìa khóa). Hiện nay Vũ Thị T đã trả đầy đủ cho chị Y số tiền nêu trên, chị Y đã nhận đủ tiền và không yêu cầu Vũ Thị T phải bồi thường gì thêm nên đề nghị miễn xét.

-Đối với anh Phan Thanh C., số tiền cầm cố xe T đã trả lại đầy đủ cho anh Phan Thanh C. Anh C đã nhận đủ số tiền trên và không yêu cầu Vũ Thị T phải bồi thường gì thêm nên đề nghị miễn xét.

c) Xử lý vật chứng, tài sản thu giữ: 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô mang tên Lê Thị Y, 01 giấy photo công chứng CCCD mang tên Lê Thị Y, 01 giấy bán xe đề tên Lê Thị Y, 01 hợp đồng thuê xe đề tên Vũ Thị T là vật chứng quan trọng của vụ án nên cần lưu kèm theo hồ sơ vụ án và không thuộc trường hợp quy định tại Điều 106 BLTTHS.

\* Án phí: Bị cáo Vũ Thị T phải nộp án phí HSST theo quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra [Công an tỉnh T](#); Điều tra viên; Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 6- Thanh hoá, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo [Vũ Thị T](#) đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Căn cứ lời khai của bị cáo phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án HĐXX có đủ cơ sở kết luận: Ngày 10/8/2024 [Vũ Thị T](#) thuê xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Tucson màu trắng BKS 36A 702.24 của chị [Lê Thị Y](#) mục đích cầm cố lấy tiền trả nợ trước rồi sau đó soay xở để chuộc xe về trả cho chị [Y](#) sau. Tuy nhiên, sau khi thuê được xe vì không được chị [Y](#) đưa cho đăng ký xe ô tô bản gốc [T](#) lại muốn cầm cố xe được nhiều tiền nên ngày 23/8/2024 [T](#) có hành vi sử dụng giấy đăng ký xe ô tô giả, can thiệp công dân giả tên [Lê Thị Y](#) để cầm cố chiếc xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Tucson BKS 36A-702.24 cho anh [Phan Thanh C](#) lấy số tiền 350.000.000đ. Vì vậy, hành vi của bị cáo [Vũ Thị T](#) đã phạm vào tội: “*Sử dụng giấy tờ giả của cơ quan, tổ chức*” theo quy định tại khoản 1 điều 341 BLHS.

Quá trình nghiên cứu hồ sơ vụ án, xét thấy hành vi của [Vũ Thị T](#) và [Nguyễn Thị H3](#) có dấu hiệu của tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” vì các lý do [theo Thị Y2](#) khai [Nguyễn Thị H3](#) và [Vũ Thị T](#) cùng có món nợ chung ngoài xã hội nên rủ nhau đi thuê xe của chị [Lê Thị Y](#) sau đó làm giấy tờ giả để cầm cho [Phan Thanh C](#) lấy số tiền 350.000.000đ. Tòa án đã trả hồ sơ cho Viện kiểm sát để yêu cầu điều tra bổ sung về hành vi của [T](#) và [H3](#) trong việc thuê xe của [Lê Thị Y](#) sau đó làm giấy tờ giả mang đi cầm cho [Phan Thanh C](#) để xác định [Vũ Thị T](#) và [Nguyễn Thị H3](#) có dấu hiệu: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” hay không? Viện kiểm sát đã có văn bản trả lời Tòa án về hành vi của [Vũ Thị T](#) và [Nguyễn Thị H3](#) không cấu thành tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” vì lời khai của [Nguyễn Thị H3](#) chỉ thừa nhận giúp [T](#) tìm nơi cầm xe, còn việc cầm cố như thế nào [H3](#) không biết. Ngoài lời khai của [Vũ Thị T](#) không có chứng cứ nào khác về việc [H3](#) làm giấy tờ giả. Ngày 16/6/2025 Tòa án đã hoãn phiên tòa với lý do vắng mặt [Nguyễn Thị H3](#), Tòa án ấn định ngày xét xử và yêu cầu dẫn giải [Nguyễn Thị H3](#) đến phiên tòa để làm rõ hành vi của [H3](#) và [T](#) trong việc làm giấy tờ giả xe ô tô sau đó mang đi cầm. Ngày 12/6/2025 [Nguyễn Thị H3](#) bị bắt giam trong vụ án “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” khác. Vụ án đang trong giai đoạn điều tra nên không thể có mặt tại phiên tòa được.

Ngoài lời khai của T không có chứng cứ nào về hành vi làm giấy tờ giả nên căn cứ khoản 1 điều 298 BLTT HS Toà án chỉ xét xử những hành vi theo tội danh mà Viện kiểm sát truy tố nên HĐXX xét xử vụ án theo tội danh mà VKS đã truy tố.

Mặt khác, quá trình điều tra Lê Thị Y khai “ Do thời gian đầu Y chưa nhớ và sau đó một vài hôm T đến gặp Y và xin phép cầm cố xe một vài hôm để giải quyết việc cá nhân và hứa với Y trả tiền thuê xe đầy đủ nên Y đồng ý”. Như vậy, Y biết việc T mang xe đi cầm cố nhưng đã đồng ý. Vì vậy việc thuê xe ô tô của Lê Thị Y sau đó mang đi cầm của T không cấu thành tội:

“ Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”

Đối với Phan Thanh C ban đầu C không biết là T mang giấy tờ giả đến cầm cố đã gọi T đến, T nói thật sự việc C biết là giấy tờ giả nhưng vẫn đồng ý cho cầm xe nên hành vi của T không lừa dối C trong việc cầm xe ô tô thuê của Y.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm Hình sự: Hành vi của Vũ Thị T là nguy hiểm cho xã hội xâm phạm đến hoạt động đúng đắn, bình thường của cơ quan nhà nước được pháp luật bảo vệ làm mất trật tự trị an trên địa bàn cần phải được xử lý nghiêm minh .

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm Hình sự: Xét thấy, quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo khai báo thật thà, thành khẩn, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên khi lượng hình được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 điều 51 của BLHS. Ngoài ra, HĐXX cũng xét đến tình tiết bị cáo có bố là ông Vũ Đình H là người có công trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước được Nhà nước tặng thưởng huân chương chiến công giải phóng và huy chương chiến sỹ giải phóng. Bản thân bị cáo được ban tặng bằng khen điều dưỡng khoa nội tiêu hoá bệnh viện đã khoa Thanh H5 đã có thành tích xuất sắc tình nguyện tham gia phòng chống dịch Covid 19 giai đoạn 2021-2022. Sau khi phạm tội đã đến cơ quan công an đầu thú nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 điều 51 BLHS.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm Hình sự: bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

Xét về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, bản thân chưa có tiền án, tiền sự. Từ trước đến nay chưa vi phạm pháp luật nên giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo có hoàn cảnh khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: đã được giải quyết xong trước khi xét xử sơ thẩm, không có ai có ý kiến đề nghị gì khác nên không xét.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 BLTTHS; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy

ban thường vụ Quốc Hội, buộc bị cáo [Vũ Thị T](#) phải nộp án phí HSST là: 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) .

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**I.Tuyên bố:** Bị cáo [Vũ Thị T](#) phạm tội: “ Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức ”

**Áp dụng:** Khoản 1 điều 341; điểm i ;s khoản 1 và khoản 2 điều 51 ; điều 65; điều 38 BLHS.

**Xử phạt:** Bị cáo [Vũ Thị T](#) 15 ( mười lăm) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 ( ba mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ( 16.7.2025)

Giao bị cáo [Vũ Thị T](#) cho [UBND phường H](#), tỉnh Thanh hoá giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại điều 92 Luật thi hành án Hình sự.

**II.Về án phí:** Căn cứ khoản 2 Điều 136 BLTTHS; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, buộc bị cáo [Vũ Thị T](#) phải nộp án phí HSST là: 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) .

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ( 16/ 7 /2025). Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh [Phan Thanh C](#), chị [Lê Thị Y](#) được quyền kháng cáo về phần có liên quan đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết công khai bản án.

*Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a và 9 luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

#### **Nơi nhận:**

- VKSND Khu vực 6 Thanh hoá;
- Bị cáo;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- CQĐT CA tỉnh Thanh Hoá;

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Cơ quan Thi hành án hình sự;
- TAND tỉnh Thanh Hóa ( báo cáo)
- Thi hành án dân sự khu vực 6;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Tạ Thị Hương**